BÀI BÁO CÁO TUẦN 4

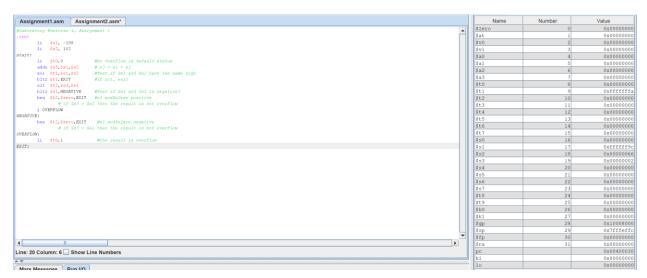
Họ và tên: Nguyễn Trọng Khánh Duy

MSSV: 20210284

Assignment 1

Trường hợp 1: Cộng 2 số khác dấu

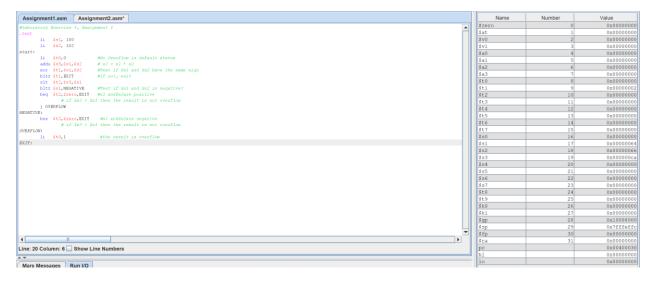
Giả sử \$s1 = -100; \$s2 = 102



Kết quả: \$s3 = 2; \$t0 = 0

Trường hợp 2: Cộng 2 số dương không tràn số

Giả sử \$s1 = 100; \$s2 = 102



Kết quả: \$s3 = 0x000000ca = 202₁₀; \$t0 = 0

Trường hợp 3: Cộng 2 số âm không tràn số

Giả sử \$s1 = -98; \$s2 = -111



<u>Kết quả</u>: $$s3 = 0xffffff2f = -209_{10}$; \$t0 = 0

Trường hợp 4: Cộng 2 số dương tràn số

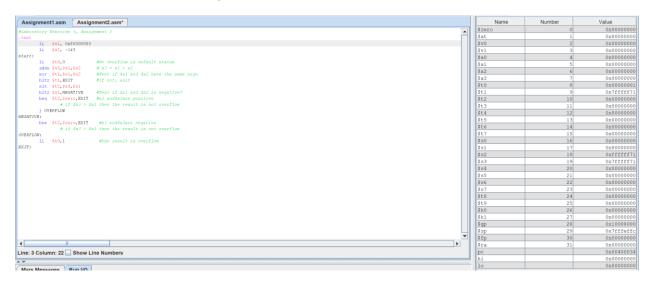
Giả sử \$s1 = 0x7fffffff; \$s2 = 102



<u>Kết quả</u>: \$s3 = 0x80000065; \$t0 = 1

Trường hợp 5: Cộng 2 số âm tràn số

Giả sử \$s1 = 0x80000000; \$s2 = -143



Kết quả: \$s3 = 0x7fffff71; \$t0 = 1

CODE:

#Laboratory Exercise 4, Assignment 2

.text

```
li $s0, 0x12345678  # Load test value for these function
andi $t0, $s0,0xff000000  # Extract the MSB of$s0
sra $t0, $t0, 24  # Shift right 24 bits
andi $t1, $s0, 0xffffff00  #Clear LSB of $s0
ori $t2, $s0, 0x000000ff  #Set LSB of $s0(bits 7 to 0 are set to 1)
andi $t3, $s0, 0  #Clear $s0($s0=0, must use logical instructions)
```

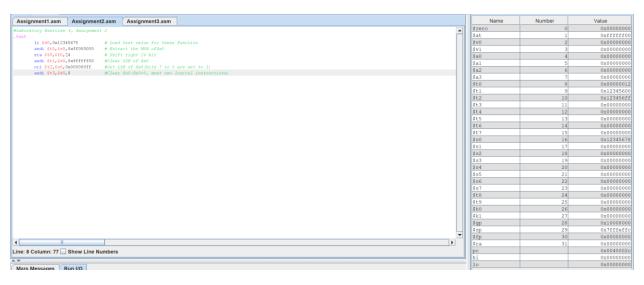
Kết quả:

\$t0 = 0x00000012

\$t1 = 0x12345600

\$t2 = 0x123456ff

\$t3 = 0x00000000



Giải thích:

Logic AND từng bit có đặc điểm: and với 1 ra kết quả chính nó, and với 0 thì ra 0

- Lệnh andi \$t0, \$s0, 0xff000000 sẽ giữ lại 8 bits cao (vì nhân với 0xff000000) và cho tất cả các bit còn lại bằng 0. Sau đó dịch phải 24 bit kết quả vừa nhận được => Trích xuất MSB
- Lệnh andi \$t1, \$s0, 0xffffff00 sẽ xóa đi 8 bit cuối và giữ lại 24 bit cao => xóa LBS

Logic OR từng bit có đặc điểm: khi or với 1 sẽ trả về 1, or với 0 trả về chính nó. Lệnh ori \$t2, \$s0, 0x000000ff sẽ giữ nguyên 24 bit cao (do or với toàn bộ là bit 0) và đưa tất cả còn lại lên 1 => Lấy được giá trị của LSB

a. abs \$s0, \$s1

```
sra $t0, $s1, 31
xor $s0, $t0, $s1
subu $s0, $s0, $t0
```

Giải thích:

Các bit của \$t0 được điền bởi giá trị bit dấu của \$s1

- Nếu bit dấu là 1 thì lệnh XOR sẽ đảo bit toàn bộ \$s1
 - ⊙ Giá trị của \$s0 sẽ là số (-\$s0 1)
 - Lệnh subu \$s0, \$s0, \$t0 sẽ trừ \$s0 với \$t0 (0xfffffff = -1) sẽ là
 (-\$s1 1) 1
 - Kết quả \$s0 thu được chính là giá trị tuyệt đối của \$s1
- Nếu bit dấu là 0 thì lệnh XOR sẽ giữ nguyên toàn bộ bit
 - Giá trị của \$s0 chính là giá trị của \$s1 và \$t0 = 0x0000000 = 0
 - Lệnh subu \$s0, \$s0, \$t0 sẽ trừ cho 0 nên giá trị \$s0 được giữ nguyên
 - Kết quả thu được là \$s1 ban đầu (Vì số dương nên giá trị tuyệt đối là chính nó)
- b) move \$s0, \$s1

andi \$s0, \$s1, 0xffffffff

Giải thích: Lệnh AND \$s1 với toàn bộ bit 1 sẽ giữ nguyên bit của \$s1 và lưu vào \$s0

c) not \$s0, \$s1

Lệnh OR với tất cả các giá trị 0 sẽ trả về giá trị ban đầu => Lệnh nor sẽ đảo ngược các bit

d) ble \$s1, \$s2, label

slt \$t0, \$s2, \$s1

beq \$t0, \$zero, label

label:

Lệnh slt \$t0, \$s2, \$s1 sẽ cho ta kết quả: \$t0 = 1 nếu \$s2 > \$s1 hoặc \$t0 = 0 nếu \$s2 <\$s1

=> Thực hiện nhảy tớ label khi \$s1 < \$s2 nên lệnh beq \$t0, \$zero, label sẽ nhảy đến label khi \$t0 = 0

```
CODE:
.text

li $s0, -2003
li $s1, -3020
li $t0, 0

xor $t1, $s0, $s1
blez $t1, Exit

addu $t2, $s0, $s1
xor $t1, $s1, $t2
bgez $t1, Exit

Overflow:
li $t0, 1
```

Giải thích:

Exit:

Sử dụng XOR để phân biệt \$s0 và \$s1 có dùng dấu hay không.

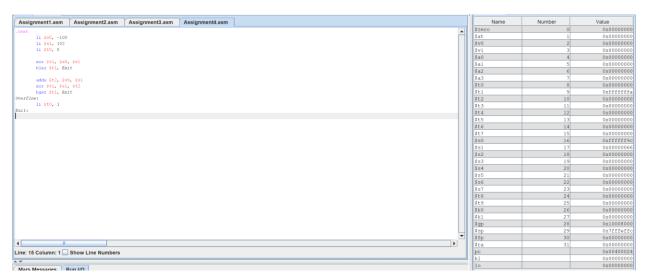
- Nếu khác dấu thì lệnh blez \$t1, Exit sẽ nhảy đến Exit và kết thúc chương trình trả về \$t0 = 0 => Không tràn số
- Nếu cùng dấu thì sẽ thực hiện lệnh addu \$t2, \$s0, \$s1 và lưu tổng giá trị của 2 thanh ghi \$s0 và \$s1 vào thành ghi \$t2 và sau đó thực hiện

lệnh xor \$t1, \$s1, \$t2 để kiểm tra dấu của 2 số đó với tổng của chính nó.

- Nếu cùng dấu thì bgez \$t1, Exit sẽ nhảy đến exit và kết thúc chương trình và trả về \$t0 = 0 => Không tràn số
- Nếu khác dấu thì sẽ thực hiện lệnh li \$t0, 1 => trả về \$t0 = 0 => tràn số

Trường hợp 1: Cộng 2 số khác dấu

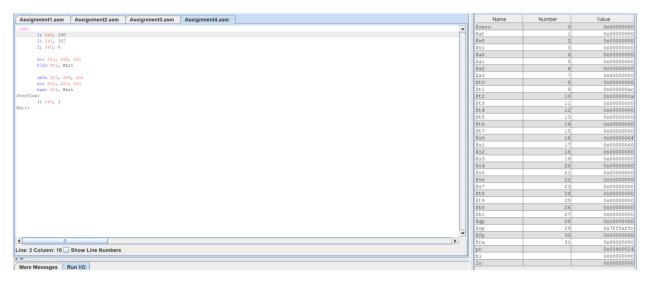
Giả sử \$s0 = -100; \$s1 = 102



Kết quả: \$t0 = 0

Trường hợp 2: Cộng 2 số cùng dấu không tràn số

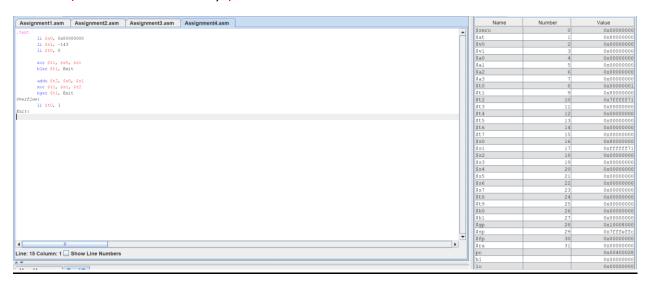
Giả sử \$s0 = 100; \$s1 = 102



Kết quả: \$t0 = 0

Trường hợp 3: Cộng 2 số cùng dấu tràn số

Giả sử \$s1 = 0x80000000; \$s2 = -143



Kết quả: \$t0 = 1

```
CODE:
.text

li $s0, 9

li $s1, 32

li $s2, 0

move $t1, $s1

loop:

beq $t1, 1, multiple

srl $t1, $t1, 1

addi $s2, $s2, 1

j loop

multiple:

sllv $t0, $s0, $s2
```

Giải thích:

- Một số là bội của 2 khi đổi sang nhị phân sẽ có duy nhất một bit bằng 1 còn lại là 0. Khi liên tục dịch phải từng bit của số đó, dịch tới khi 1 nằm ở vị trí bit 0 thì số lần dịch sẽ chính là số mũ của 2
- Nguyên tắc trên được áp dụng trong phần loop, thoát khỏi vòng lặp khi giá trị \$t1 chỉ còn là 1 và nhảy tới phần multiple
- Ở multiple ta dịch trái \$s0 số bit tương ứng với số được lưu tại
 \$s2 (chính là số mũ của 2 đã được tính tại vòng lặp)
 - Dịch trái 1 bit là $*2^1$, 2 bit là $*2^2$, ..., n bit là $*2^n$
- Kết quả được lưu tại \$t0 chính là kết quả của phép nhân
- Assignment 5

Consolutions

- 1. What is the difference between SLLV and SLL instructions?
- Lệnh sll \$s1, \$s2, imm: Dịch trái \$s2 số bit được quy định ở phần immediate, sau đó lưu kết quả vào \$s1.
- Lệnh sllv \$s1, \$s2, \$s3: Dịch trái \$s2 số bit được quy định bởi 5 bit trật tự thấp (low-order) của \$s3, mang giá trị từ 0-31 và lưu kết quả vào \$s1.
- 2. What is the difference between SRLV and SRL instructions?
- Lệnh srl \$s1, \$s2, imm: Dịch phải \$s2 số bit được quy định ở phần intermediate, sau đó lưu kết quả vào \$s1.
- Lệnh srlv \$s1, \$s2, \$s3: Dịch phải \$s2 số bit được quy định bởi 5 bit trật tự thấp (low-order) của \$s3, mang giá trị từ 0-31 và lưu kết quả vào \$s1.